

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế lên chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): mực nước đang lên chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông kênh lên dần, biên độ nước lên trung bình từ 10-20cm/ngày. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 29/7 ở mức xấp xỉ và cao hơn từ 05-25cm so với cùng kỳ năm 2024; xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ TBNN từ 05-75cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước lên theo triều. Mực nước cao nhất và thấp nhất ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2024 từ 05-20cm; cao hơn cùng kỳ TBNN từ 15-60cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch biến đổi chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 29/7 ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2024 từ 05-15cm, hầu hết ở mức xấp xỉ và cao hơn so với cùng kỳ TBNN từ 05-45cm.

- Khu vực cửa sông: Mực nước tại Xẻo Rô trên sông Cái Lớn xuống theo xu thế triều biển Tây, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 29/7 ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-15cm.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh lên dần, biên độ nước lên trung bình từ 05-15cm/ngày.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước lên chậm

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm trong những ngày tới.

- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé tiếp tục xuống đến hết ngày 31/7, sau đó lên lại theo xu thế triều biển Tây.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng cục bộ trong đô thị tại Long Xuyên và Rạch Giá khi xuất hiện mưa lớn; Biên độ mực nước dao động lớn và mực nước xuống thấp, nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, kênh, rạch.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 31/7/2025

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phan Minh Đạt

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 29/07						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			30/7	31/7	01/8	02/8	03/8	30/7	31/7	01/8	02/8	03/8
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	183	11	-5	244	24	17	250	254	257	258	259	201	211	219	225	227
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	107	2	22	210	20	51	216	220	223	224	225	123	133	141	147	149
Hậu	Khánh An	420	470	520	323	14	74	340	23	71	350	358	364	368	371	338	348	354	357	360
	Châu Đốc	300	350	400	146	-5	7	226	12	38	232	236	239	240	241	158	168	176	182	184
	Long Xuyên	190	220	250	78	4	42	208	22	60	214	218	221	222	223	87	97	105	111	113
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	117	6	15	215	23	46	221	225	228	229	230	130	140	148	154	156
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	100	-11	-11	102	-16	-11	103	105	107	109	111	101	102	104	106	107
	Vĩnh Gia	200	240	280	73	-6	26	77	-14	25	74	73	73	75	77	70	68	67	69	70
	Vĩnh Điều	170	200	230	74	-1	17	80	-7	6	77	76	76	78	80	71	69	68	70	71
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	71	-9	13	77	-11	9	75	74	74	76	78	68	66	65	67	68
T5	Nông Trường	160	190	220	78	-7	17	82	-11	11	80	79	79	81	83	75	73	72	74	75
Rạch Giá Hà Tiên	Lung Lớn				62	9	23	70	-4	12	68	67	67	69	71	59	57	56	58	59
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	96	-7	14	106	-3	14	104	103	103	105	107	93	91	90	92	93
	Cô Tô	140	180	220	107	-3	45	112	-5	43	112	111	111	113	115	105	104	104	106	107
	Nam Thái Sơn	90	120	150	80	-4	-	86	-1	-	86	85	85	87	89	78	77	77	79	80
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	73	-5	23	77	-8	22	75	74	74	76	78	70	68	67	69	70
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	117	-1	46	128	3	49	128	127	127	128	130	116	115	115	116	118
	Mỹ Hiệp Sơn				85	-2	29	89	-1	25	89	88	88	90	92	83	82	82	84	85
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	137	3	36	169	10	51	170	172	173	173	171	138	139	140	140	138
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	102	-2	23	122	2	31	122	121	121	122	124	101	100	100	101	103
	Tân Thành	120	150	180	93	1	29	99	0	21	99	98	98	99	101	92	91	91	92	94
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	74	-4	29	78	-5	19	78	77	77	78	80	73	72	72	73	75
12	Cầu Cống Bán				78	9	23	83	-4	12	82	81	81	82	84	76	75	75	76	78
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	7	10	20	55	-1	10	54	52	51	51	52	10	14	15	12	7
Bến Nhứt	Giồng Riềng				67	-1	0	70	-4	16	69	68	68	69	71	65	64	64	65	67
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-14	4	13	55	-11	3	51	49	51	53	59	-11	-8	-10	-12	-17

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm



